

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất sợi Đắk Lắk” tại Khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 103/GCNDKĐT-KCN của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh ngày 02/3/2023, mã số dự án: 5413387226, chứng nhận điều chỉnh lần đầu ngày 02/3/2023;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-KCN ngày 20/10/2023 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh về việc ban hành Danh mục ngành, nghề thu hút đầu tư vào Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Xét Công văn số 3883/STNMT-MT ngày 29/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất sợi Đắk Lắk” tại Khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột; Văn bản số 05/CVLG/2023 ngày 04/12/2023 của Công ty TNHH Công nghệ Lugang Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sợi Đắk Lắk” tại một phần Lô C27, C29 Khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 409/TTr-STNMT ngày 14/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất sợi Đắk Lắk” tại Khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Công nghệ

Lugang Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL các Khu công nghiệp tỉnh;
- Công ty TNHH Công nghệ Lugang Việt Nam (Đ/c: Lô C27, C29 KCN Hòa Phú, Tp. BMT);
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phú;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI ĐẮC LẮK” TẠI KHU
CÔNG NGHIỆP HÒA PHÚ, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: “Nhà máy sản sợi Đắk Lắk” tại Khu Công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột.
- Địa điểm thực hiện dự án: Một phần Lô C27, C29 Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Công nghệ Lugang Việt Nam.
- Địa chỉ liên lạc: Lô C27, C29 Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích thực hiện dự án là 28.065,4m² (Dự án đã được Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú ký Hợp đồng thuê lại đất số 02/2023/HĐ-TLĐ ngày 21/3/2023). Diện tích hạng mục công trình, gồm: Diện tích xây dựng hạng mục, công trình là 18.942,64 m² (tỷ lệ 67,49%), diện tích cây xanh là 5.705,16 m² (tỷ lệ 20,33%), diện tích giao thông, bến bãi là 3.417,6m² (tỷ lệ 12,18%).
- Loại hình sản xuất: Sản xuất sợi.
- Công suất: 6.800 tấn/năm, tương đương 20.400.000 m²/năm, bao gồm:
 - + Sợi dệt thô: 1.000 tấn/năm, tương đương 3.000.000 m²/năm;
 - + Sợi dệt bán tinh: 1.200 tấn/năm, tương đương 3.600.000 m²/năm;
 - + Sợi hình hoa: 2.500 tấn/năm, tương đương 7.500.000 m²/năm;
 - + Sợi dệt tinh: 2.100 tấn/năm, tương đương 6.300.000 m²/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Quy trình sản xuất tại Dự án như sau:

a) Quy trình sản xuất sợi dệt thô:

- Công đoạn 1, nhuộm sơ bộ: Sợi → Vô lò → Nhuộm màu → Vắt nước → Sấy khô.
- Công đoạn 2, kéo sợi: Sợi đã nhuộm màu → Trộn và mở len → Chải sợi → Kéo sợi → Đánh ống → Gộp sợi → Xoắn hai trong một → Thành phẩm (nhập kho).

b) Quy trình sản xuất sản xuất sợi dệt bán tinh, sợi hình hoa:

- Công đoạn 1, nhuộm sơ bộ: Sợi → Vô lò → Nhuộm màu → Vắt nước → Sấy khô.

- Công đoạn 2, kéo sợi: Sợi đã nhuộm màu → Trộn và mở len → Chải sợi → Hợp lại sợi (1 đến 3) → Sợi Fibre trắng → Kéo sợi → Đánh ống → Gộp sợi → Xoắn hai trong một → Thành phẩm (nhập kho).

c) Quy trình sản xuất sản xuất sợi dệt tinh:

- Công đoạn 1, Sợi cây: Sợi len → Ép cuộn tròn → Vô lò → Nhuộm màu → Giặt lại → Sấy khô → Nối sợi → Cuộn tròn → Kết hợp lại mũi đầu tiên → Kết hợp lại hai mũi đầu tiên → Chải lại sợi tinh → Kết hợp lại mũi cuối cùng → Cuộn tròn.

- Công đoạn 2, kéo sợi: Sợi hỗn hợp → Chải lần thứ nhất → Chải lần thứ hai → Chải lần thứ ba → Chải lần thứ tư → Kéo thô → Sợi thô → Đánh ống tự động → Gộp sợi → Xoắn hai trong một → Tẩy lông → Thành phẩm (nhập kho).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích xây dựng
I	Hạng mục công trình chính		
1	Nhà xưởng chính (01 nhà, 02 tầng)	m ²	15.270,48
2	Nhà tổng hợp (01 nhà, 01 tầng)	m ²	674,40
II	Hạng mục công trình phụ trợ		
1	Nhà xe, bể nước PCCC	m ²	497,96
2	Nhà bảo vệ	m ²	35,67
3	Nhà bảo vệ di động	m ²	9,00
III	Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường		
1	Kho chứa chất thải rắn thông thường	m ²	92,00
2	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	22,00
3	Kho chứa hóa chất	m ²	52,00
4	Trạm xử lý nước cấp	m ²	543,90
5	Trạm xử lý nước thải và phòng lò hơi		
5.1	Bể cô đặc bùn và thiết bị máy lọc ép	m ²	451,08
5.2	Bể sinh hóa và phòng lò hơi	m ²	1.294,15
IV	Cây xanh, đường nội bộ		
1	Đường nội bộ	m ²	3.417,60
2	Cây xanh	m ²	5.705,16
Tổng diện tích		m ²	28.065,4

1.4.2. Danh mục máy móc, thiết bị

- Máy móc sản xuất sợi dệt thô: Máy trộn bông, máy chải sợi, máy sợi con, hệ thống làm mát, máy ghép sợi, máy đánh ống, máy xoắn sợi.

- Máy móc sản xuất sợi dệt bán tinh: Máy trộn bông, máy chải sợi, máy phép, máy sợi thô, máy sợi con, máy nối chỉ tự động, máy đánh ống, máy ghép sợi, máy xoắn sợi, máy lọc bụi;

- Máy móc sản xuất sợi hình hoa: Máy trộn bông, máy chải sợi, máy ghép, máy sợi thô, máy sợi con, máy kéo sợi, máy ép sợi, máy mài sợi, máy nối chỉ thủ công, máy nối chỉ tự động, hệ thống làm mát;

- Máy móc sản xuất sợi dệt tinh: Máy sợi thô, máy sợi con, máy nối chỉ tự động, máy đánh ống, máy ghép sợi, máy xoắn sợi, máy chải kim, máy chải tinh;

- Máy móc công đoạn nhuộm: Máy chải kim, nồi nhuộm sợi dài, nồi nhuộm sợi bông, máy vắt nước, máy ép len, máy ép sợi ngắn, máy đóng bao, máy chải len, máy nhuộm len, máy sấy, máy bơm, máy nhuộm;

- Các máy móc, thiết bị: Máy nén khí, lò hơi, thiết bị xử lý khí thải, thiết bị xử lý nước thải, thiết bị chữa cháy, máy chiller.

1.4.3. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng

- Nhu cầu nguyên liệu: Lông cừu khoảng 3.345,2 tấn/năm, sợi Acrylic khoảng 2.055,6 tấn/năm, Cotton khoảng 1.233,3 tấn/năm, sợi Rayon khoảng 411,1 tấn/năm, sợi Polyamide khoảng 205,6 tấn/năm, sợi polyester khoảng 205,6 tấn/năm.

- Nhu cầu nhiên liệu: Điện khoảng 25.000.000 KV/năm, viên củi nén khoảng 7.200 tấn/năm, than đá (dự phòng) khoảng 5.940 tấn/năm.

- Nhu cầu hóa chất sử dụng cho sản xuất:

STT	Tên hoá chất	Khối lượng (tấn/năm)
1	Thuốc nhuộm sợi bông	25
2	Thuốc nhuộm sợi Acrylic	35
3	Thuốc nhuộm sợi nylon	5
4	Thuốc nhuộm sợi len	25
5	Thuốc nhuộm sợi polyester	21
6	Sodium sunfate	100
7	Sodium carbonate	35
8	Sodium dithionite	5
9	Sodium hyposulfite	30
10	Calcium chloride	10
11	Ammonium sulfate	1
12	Hóa chất phụ Agent (Tên gọi khác: Nifantine AN)	1
13	Kiểm (NaOH)	1
14	Thuốc tẩy	5
15	Baking soda (Sodium hydrogen carbonate)	3
16	Calcium dihydroxide	0,5
17	Acid Formic (85%)	2
18	Acid acetic (HAC)	80

STT	Tên hoá chất	Khối lượng (tấn/năm)
19	Hydrogen peroxide	100
20	Magnesium sulfate heptahydrate	10
21	Chất phụ trợ (Silicone oil)	1
22	Chất phân tán (Alcohols, C12-18, Ethoxylated)	30
23	Chất thẩm thấu (Alcohols, C12-18, Ethoxylated)	30
24	Chất điều hoà (Silicone oil)	20
25	Carbamide (tên gọi khác Urea)	3
26	Chất giám mục S-ET (Quaternary ammonium compounds, C18-22-alkylbis(hydroxyethyl)methyl, ethoxylated, Me sulfates (salts))	0,8
27	Chất bôi trơn (Amides, C8-18 and C18-unsatd., N, Nbis (hydroxyethyl))	20
28	Chất chống tĩnh điện (Poly(ethylene glycol))	80
29	Chất tẩy rửa Sodium Poly (naphthalene formaldehyde) sulfonate	1
30	Chất cố định (Polyamine N7)	15
31	Nước xả vải	30
32	Chất làm mềm và mịn (dimethicone)	15
33	Chất làm thơm (Sodium lauryl polyoxyethylene ether sulfate)	80
34	Chất làm phẳng (GENAPOL(R) X-080)	10
35	Chất làm mềm cho len	15
36	Chất tẩy nhờn (Fatty Alcohol Polyoxyethylene Ether, tên gọi khác Alcohols, C12-18, ethoxylated)	15
37	Chất làm mịn (Polyoxyethylene stearate)	30
Tổng cộng		890,3

- Nhu cầu hóa chất sử dụng cho quá trình xử lý nước thải, nước cấp: Clorine khoảng 420 kg/tháng, PAC khoảng 2.670 kg/tháng, Polyme Anion khoảng 370 kg/tháng, Natri Clorite khoảng 7.500 kg/tháng, NaOH khoảng 2.250 kg/tháng, H₂SO₄ khoảng 1.350 kg/tháng. Nhu cầu hóa chất sử dụng cho quá trình xử lý khí thải: NaOH khoảng 500 kg/tháng.

- Nhu cầu sử dụng nước cấp: Sinh hoạt (52,5 m³/ngày), cấp nước sản xuất (1.536,1 m³/ngày), nước tưới cây (17 m³/ngày). Nguồn nước do Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú cấp cho toàn Khu Công nghiệp Hòa Phú.

Quy trình xử lý cơ bản nước cấp tại dự án: Nước thô → Bể chứa trung gian → Bơm rửa ngược bộ lọc → Bơm nâng trung gian → Bộ lọc than hoạt tính → Máy làm mềm nước → Bộ lọc chính xác loại hộp mực → Thiết bị khử trùng bằng tia cực tím → Bể chứa nước mềm → Bơm cấp nước mềm → Máy bơm tăng áp nước sạch → Thiết bị tiền lọc UF → Thiết bị siêu lọc UF → Bể chứa nước sạch → Cấp nước cho sản xuất.

1.4.4. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động san gạt mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình chính, hạng mục công trình phụ trợ, hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vật tư, máy móc phục vụ thi công;
- Hoạt động xây dựng hạng mục công trình;
- Hoạt động vận chuyển, lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án;
- Hoạt động sản xuất sợi;
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án;
- Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị; quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án;
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động xây dựng hạng mục công trình: Phát sinh nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.
- Hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất; xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án; vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; sinh hoạt của công nhân: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, sự cố môi trường, an toàn lao động,...
- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 12m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng N, tổng P, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), Coliforms, dầu mỡ động thực vật,...

- Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng: phát sinh khoảng 1,85 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, COD, BOD₅,...

- Nước mưa chảy tràn, thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 52,5 m³/ngày đêm (gồm nước thải vệ sinh của công nhân khoảng 40 m³/ngày đêm, nước nấu ăn khoảng 12,5 m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng N, tổng P, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), Coliforms, dầu mỡ động thực vật,...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất sợi, dệt nhuộm, từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, vệ sinh nhà xưởng,... với tổng lưu lượng khoảng 1.286,1 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng N, tổng P, Coliforms, độ màu, chất hoạt động bề mặt, chất điện ly, chất oxy hóa, chất hữu cơ khó phân hủy,... và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi có tính acid, các hợp chất clo, acid, chất sáp, silicat từ công đoạn nhuộm, giặt sản phẩm,...

- Nước mưa chảy tràn, thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào hố móng, thi công xây dựng hạng mục công trình, hàn cắt cơ khí, sơn tường. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO₂, SO₂, CO₂,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị phục vụ Dự án, quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, lắp ráp cơ khí. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO_x, SO₂, CO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC,...

- Bụi phát sinh từ công đoạn chải sợi và kéo sợi trong quá trình sản xuất tại nhà xưởng sản xuất.

- Hơi dung môi từ quá trình sử dụng hóa chất trong công đoạn nhuộm, giặt sợi gồm bụi, các khí acid (SO₂, NO_x, CO, CO₂,...), mùi, hơi hóa chất (thành phần hóa chất đặc trưng như: benzen, toluen, clobenzen,...).

- Khí thải từ quá trình vận hành lò hơi, dự án dự kiến lắp đặt 02 lò hơi với công suất 06 tấn/giờ/lò (01 lò hoạt động chính và 01 lò dự phòng), sử dụng nhiên liệu đốt là viên củi nén. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, ... Ngoài ra, dự án có dự phòng là sử dụng nhiên liệu đốt là than đá, thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, ...

- Mùi hôi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, từ khu vực lưu chứa tạm chất thải rắn. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CH₄, H₂S, NH₃, mercaptan, ...

3.2. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của CTR sinh hoạt:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 120 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thực phẩm thừa, ...

b) *Giai đoạn vận hành dự án: Phát sinh khoảng 400 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm:* bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thực phẩm thừa,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của CTR công nghiệp thông thường:

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng:*

Chất thải xây dựng phát sinh khoảng 332 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: vật liệu xây dựng rơi vãi, các loại bao bì, gạch vỡ,...

b) *Giai đoạn vận hành dự án:*

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh với khối lượng khoảng 3.124,6 tấn/năm (tương đương 260.383,33 kg/tháng). Thành phần chủ yếu gồm: tro bụi từ quá trình đốt viên gỗ nén vận hành lò hơi; từ các sợi dệt như: sợi bông ngắn không đồng nhất, sản phẩm sợi hỏng, bụi bông thu hồi từ hệ thống xử lý bụi; giấy và bao bì carton hư hỏng,...

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh với khối lượng khoảng 53,44 kg/tháng.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Phát sinh khoảng 20 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu, nhớt thải; bóng đèn huỳnh quang thải; thùng sơn thải bỏ.

- *Giai đoạn vận hành dự án:* Phát sinh khoảng 1.202.375 kg/năm (tương đương 100.198 kg/tháng). Thành phần chủ yếu gồm: Hộp mực máy in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, thiết bị linh kiện điện tử thải, dầu động cơ thải, bao bì thải có chứa thành phần nguy hại, pin ắc quy thải, phẩm màu và chất nhuộm thải có thành phần nguy hại, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải có thành phần nguy hại; than hoạt tính, chất hấp phụ, vật liệu lọc có chứa thành phần nguy hại, hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm sợi có chứa thành phần nguy hại,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công, xây dựng hạng mục công trình; từ hoạt động lắp đặt máy móc, trang thiết bị của dự án; từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực thi công.

- *Giai đoạn vận hành dự án:* Phát sinh từ việc hoạt động vận hành máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của dự án; từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án; từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến cơ sở hạ tầng của Khu Công nghiệp Hòa Phú, đến hoạt động giao thông, kinh tế - xã hội khu vực triển khai thực hiện Dự án, đến an ninh trật tự khu vực khi tập trung đông công nhân tại cùng thời điểm (khoảng 500 công nhân và các chuyên gia).

- Tác động do rủi ro, sự cố môi trường (sự cố hệ thống xử lý nước thải; hệ thống xử lý khí thải; sự cố lò hơi; sự cố tồn đọng, tràn đổ chất thải, hóa chất sử dụng); sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; nhiệt dư từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị của dự án,...

- Tác động từ nhiệt dư: từ hoạt động của máy móc sản xuất, lò hơi, thiết bị gia nhiệt lưu hóa,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng tạm tại công trường, sau đó dẫn về hệ thống thoát nước mưa chung của Khu Công nghiệp Hòa Phú về phía Tây Nam dự án; nguyên vật liệu phục vụ thi công được tập kết tại khu vực riêng, phải che chắn để tránh bị cuốn trôi; thực hiện khơi thông dòng chảy, không để ứ đọng gây ngập úng. Xây dựng bờ bao xung quanh khu vực dự án bằng cọc tre và bao tải cao 1-1,5m để tránh sạt lở, cuốn trôi đất cát.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được lưu chứa tạm thời tại nhà vệ sinh di động và được đặt tại vị trí công trường thi công. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng thu gom về 01 hố chứa với kích thước 1,0m x 1,0m x 1,5m (được đào tại khu vực thi công) để lắng bụi đất, sau đó tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng như: rửa xe, trộn bê tông, không thải bỏ ra môi trường.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

+ Nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống thu gom nước mưa bằng các ống nhựa PVC, dẫn về mương dẫn bê tông xây dựng hờ (kích thước 40cm x 60cm, có song chắn rác), có bố trí các hố ga dọc theo mương thoát nước, sau đó nước mưa được đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú tại hố thu GT29 trên trục đường CN4 (vị trí đầu nối được Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú thỏa thuận tại Biên bản đầu nối hạ tầng dự án ngày 28/11/2023).

+ Nước mưa chảy tràn tại các khu vực đất trống, khu vực cây xanh được chảy, thấm tự nhiên theo địa hình.

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo đường ống PVC dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà bếp được thu gom, tách dầu mỡ, sau đó theo đường ống PVC dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, công suất 1.500 m³/ngày đêm với quy trình, công nghệ:

+ Nước thải nhuộm nóng (500m³/ngày đêm) → Bể thu gom nước thải nóng → Thiết bị thu hồi nhiệt → Tháp giải nhiệt → Bể điều hòa chung;

+ Nước thải (từ các hồ thu gom) → Bể thu gom nước thải → Mương dẫn nước thải → Lược rác thô → Bể điều hòa chung → Lược rác tinh → Bể phản ứng 1 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể lắng sơ bộ → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí A → Bể sinh học hiếu khí B → Bể lắng thứ cấp → Bể phản ứng 4 → Bể phản ứng 5 → Bể phản ứng 6 → Bể phản ứng 7 → Bể phản ứng 8 → Bể phản ứng 9 → Bể phản ứng 10 → Bể lắng cuối → Bể giám sát → Mương quan trắc (Nước thải sau xử lý).

+ Bùn từ bể lắng → Bể chứa bùn hóa lý → Bể chứa bùn sinh học → Bể cô đặc bùn → Máy ép bùn.

Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp và cột A, QCVN 13-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, sau đó tái sử dụng cho mục đích vệ sinh nhà xưởng, tưới cây xanh trong khuôn viên dự án (khoảng 25%); phần còn lại đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú (75%) tại vị trí hồ thu HTNT1A trên trục đường CN10, góc nút giao trục đường CN10 và CN3 (vị trí đầu nối được Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú thỏa thuận tại Biên bản đầu nối hạ tầng dự án ngày 28/11/2023).

- Các hạng mục công trình của Hệ thống xử lý nước thải:

+ Dòng nước thải nóng: Thiết bị trao đổi nhiệt (lưu lượng 30 m³/h, điện áp 3pha/380V/50Hz/5,5KW); tháp giải nhiệt (công suất 30 m³/h, nhiệt độ 80⁰C xuống 40⁰C, điện áp 3pha/380V/50Hz/5,5KW, kích thước 3.900 x 3.720mm).

+ Dòng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất: Bể điều hòa chung có thể tích 1.635,7m³, bể phản ứng 1 có thể tích 15,3m³, bể phản ứng 2 có thể tích 15,7m³, bể phản ứng 3 có thể tích 15,3m³, bể lắng sơ bộ có thể tích 497,0m³, bể thu bùn hóa lý có thể tích 37,8m³, bể Anoxic có thể tích 469,2m³, bể sinh học hiếu khí A có thể tích 469,2m³, bể sinh học hiếu khí B có thể tích 469,2m³, bể lắng thứ cấp có thể tích 469,3m³, bể thu bùn sinh học có thể tích 37,8m³, bể phản ứng 4 có thể tích 25,1m³, bể phản ứng 5 có thể tích 25,1m³, bể phản ứng 6 có thể tích 30,9m³, bể phản ứng 7 có thể tích 30,9m³, bể phản ứng 8 có thể tích 16,0m³, bể phản ứng 9 có thể tích 16,5m³, bể phản ứng 10 có thể tích 16,0m³, bể lắng cuối có thể tích 262,1m³, bể giám sát có thể tích 63,8m³, bể nén bùn có thể tích 430,5m³, bể sục có thể tích 1.740,5m³.

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải tại điểm đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải (hồ thu), trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của Khu Công nghiệp Hòa Phú. Lập nhật ký vận hành Hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án

theo đúng quy định. Chủ dự án cam kết nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và cột A, QCVN 13-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm trước khi đầu nối vào điểm tiếp nhận chung của Khu Công nghiệp Hòa Phú (Công ty lựa chọn phương án xử lý nước thải đạt cột A như trên do tiêu chuẩn sản xuất xanh của Công ty đã cam kết với đối tác). Đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công, xây dựng hạng mục công trình, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho công nhân lao động.

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, như sau:

+ Chủ dự án có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thi công sử dụng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

+ Các phương tiện vận tải được phủ bạt kín để hạn chế rơi vãi, phát tán chất thải ra môi trường; chở đúng tải trọng quy định.

- Thực hiện che chắn xung quanh khu vực thi công, khu vực chà nhám và sơn; khu vực cắt hàn kim loại.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:

+ Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, đảm bảo khả năng thông gió tự nhiên, riêng đối với khu vực sản xuất định kỳ được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp và lắp đặt các quạt thông gió để đảm bảo lưu thông không khí, hạn chế phát sinh mùi hôi.

+ Giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất: bố trí khu vực sản xuất sợi tại khu vực riêng biệt, bụi bông từ các máy chải sợi qua hệ thống ống hút bụi, máy lọc bụi 2 cấp (hệ thống đường ống thu bụi kích thước $\Phi 230-460$ bằng inox, máy lọc bụi 2 cấp kích thước: 5.750mm x 3.750mm x 3.300mm, bằng thép không gỉ, gồm 48 túi lọc vải polyesster, quạt hút công suất 37kW).

+ Giảm thiểu hơi hóa chất từ công đoạn nhuộm: Bố trí khu vực nhuộm riêng biệt, sử dụng công nghệ nhuộm kín, tiên tiến. Nước thải sau khi nhuộm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải hoàn toàn kín, không phát sinh mùi, hơi hóa chất.

+ Giảm thiểu hơi hóa chất nhuộm sợi từ khu vực lưu chứa, pha trộn: Xây dựng khu vực chứa hóa chất riêng biệt, trong khu vực có bố trí hệ thống thông gió với các cửa lấy gió bố trí dọc tường; đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản hóa chất an toàn tại nhà máy.

Lắp đặt hệ thống thu gom hơi hóa chất tại khu vực lưu chứa hóa chất: Hơi hóa chất → Hệ thống đường ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp phụ (dung dịch NaOH 5%) → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thải (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ).

Thông số kỹ thuật: Quạt hút (công suất 30kW, tháp hấp phụ gồm lưới đỡ vật liệu, hệ thống ống phân phối nước, ống dẫn nước từ bơm lên, lỗ thăm, ngăn chứa nước và mặt bích kết nối), Thiết bị hấp phụ (kích thước 3.200mm x 1.800mm x 1.800mm, bằng vật liệu PP, gồm ngăn thay than hoạt tính, chân đơn kích thước 800mm x 10.000mm bằng vật liệu PP).

- Khí thải từ quá trình vận hành lò hơi cấp nhiệt cho sản xuất:

+ Lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải riêng biệt cho 02 lò hơi, khí thải sau hệ thống xử lý được thu gom, thoát ra chung ống khói thải ra môi trường. Lưu lượng nguồn thải của mỗi lò là 15.000m³/giờ.

+ Quy trình xử lý: Khí thải, bụi → Cyclon thu bụi → Tháp hấp phụ (dung dịch hấp phụ NaOH 10%) → Quạt hút → Ống thoát khí thải tập trung ra môi trường.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Thông số kỹ thuật: Tháp hấp phụ (số lượng 02 cái, đường kính 2,0m, chiều cao thân tháp 10m, đường kính ống dẫn 0,8m), quạt hút (02 cái, lưu lượng 15.000m³/giờ, công suất motor 50HP), Cyclon (02 cái, đường kính 1,5m, chiều cao thân tháp 4,5m, đường kính ống dẫn 0,8m), ống khói thải chung (01 cái, chiều cao 24m, đường kính ống khói 0,6m).

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải được thu hồi và tái sử dụng cho quá trình xử lý khí thải, cặn lắng định kỳ được thu gom và xử lý theo quy định. Sau thời gian tái sử dụng, lượng nước này sẽ được thu gom và thùng chứa và được xử lý như chất thải nguy hại.

+ Hệ thống làm mát nhà xưởng kết hợp xử lý bụi: Bụi từ dây chuyền sản xuất → Hệ thống hút bụi dưới sàn → Lồng lọc bụi thô → Lọc bụi túi vải (lọc bụi tinh) → Hệ thống màng nước (kết hợp lạnh) → Không khí sạch được cấp lại trong xưởng sản xuất.

+ Trồng cây xanh tán thấp xung quanh dự án để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu, đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

+ Bê tông hóa sân và đường nội bộ dự án, bố trí công nhân quét dọn, tưới ẩm rửa đường thường xuyên để hạn chế bụi, khí thải từ khu vực bên ngoài phát tán vào khu vực sản xuất.

+ Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng riêng, thiết kế thoát khí, cách biệt với khu văn phòng và xưởng sản xuất; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để máy hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh khí thải.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (có nắp đậy kín, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định).

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi; định kỳ bảo dưỡng, duy tu hệ thống xử lý nước thải (sửa chữa, thay thế định kỳ các thiết bị xử lý trong các bể xử lý) nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTR thông thường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng được thu gom, phân loại vào các thùng chứa rác có nắp đậy (loại thể tích 100 lít) bố trí tại các vị trí phù hợp trong khu vực thi công. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- CTR xây dựng: Thu gom, phân loại và tái sử dụng đối với các loại chất thải có thể tái sử dụng cho quá trình xây dựng như xà bần, sắt thép, bê tông rơi vãi. Đối với khối lượng chất thải không tái sử dụng được, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- CTR sinh hoạt: Được thu gom, phân loại tại nguồn vào các thùng chứa rác có nắp đậy đặt tại khu vực nhà xưởng, nhà ăn, văn phòng (thùng chứa CTR sinh hoạt thuộc nhóm hữu cơ dễ phân hủy; thùng chứa CTR sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; thùng chứa các loại chất thải khác), sau đó tập kết về khu vực lưu chứa tạm chất thải rắn tập trung của dự án. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- CTR công nghiệp thông thường thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa vào thùng nhựa có nắp đậy, sau đó đưa về kho chứa chất thải thông thường. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa vào thùng chứa (dung tích 120 lít) đặt tại kho chứa chất thải thông thường và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Kho chứa chất thải thông thường có diện tích là 92 m² được bố trí phía Bắc của dự án (kế bên hệ thống xử lý nước thải). Kho xây bằng bê tông, có mái che, có cửa khóa, có bảng hiệu theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại áp dụng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

Thu gom, phân loại CTNH phát sinh từ quá trình thi công xây dựng và bố trí thiết bị lưu trữ, khu vực riêng trong diện tích dự án để lưu chứa tạm khối lượng CTNH phát sinh. Kết thúc quá trình thi công, nhà thầu thi công phối hợp với chủ dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- CTNH phát sinh được thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, dán mã CTNH tương ứng đặt trong kho chứa CTNH. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Kho lưu chứa tạm CTNH có diện tích là 22 m² được bố trí phía Bắc của dự án. Kho chứa CTNH được thiết kế có tường bao, mái che kín, có dán biển cảnh báo theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ chất thải.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải: Định kỳ thu gom, thực hiện phân định, phân loại theo quy định từ đó có biện pháp quản lý, xử lý phù hợp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chủ dự án phải yêu cầu các nhà thầu chỉ được sử dụng các thiết bị, máy móc đã được kiểm định theo quy định, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao. Bố trí thời gian thi công hợp lý, sử dụng trang thiết bị, máy móc chuyên dụng phù hợp.

b) Trong giai đoạn vận hành dự án:

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và thực hiện đăng kiểm theo đúng quy định đối với các phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Xây dựng nhà xưởng đúng tiêu chuẩn thiết kế quy định. Gia cố chân đế, móng hoặc lắp đặt đế chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn khi vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị, dụng cụ và phương tiện sản xuất để giảm độ rung. Thay đổi tính đàn hồi và khối lượng của các bộ phận máy móc sản xuất để thay đổi tần số dao động riêng để tránh cộng hưởng, sử dụng bộ giảm chấn lò xo,...

- Bố trí hàng rào bao quanh Dự án. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu.

- Định kỳ thực hiện đo kiểm môi trường lao động hàng năm theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình theo đúng quy mô thiết kế, cao độ xây dựng công trình. Tiến hành vận hành thử nghiệm để kiểm tra, giám định hiệu quả xử lý trước khi đưa vào vận hành chính thức dự án. Tại đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú, chủ dự án phải lắp đồng hồ đo lưu lượng để có thể thường xuyên giám sát lưu lượng nước thải.

- Thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, toàn bộ nước thải chưa xử lý được bơm về bể điều hòa (kết hợp làm bể sự cố) và tiến hành tạm dừng hoạt động của Dự án để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn cột A, QCVN 40:2011/BTNMT và cột A, QCVN 13-MT:2015/BTNMT trước khi tái sử dụng, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý khí thải:

- Đề phòng chống các sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải cần thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, tiến hành vận hành thử để kiểm tra, giám định hiệu quả xử lý trước khi đưa vào vận hành chính thức.

- Thường xuyên kiểm tra theo đúng quy định trước khi vận hành hệ thống.

- Định kỳ bảo dưỡng thay thế các thiết bị nếu phát hiện trước khi bị hỏng làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý.

- Thành lập đội ngũ vận hành hệ thống xử lý khí thải được đào tạo bài bản và theo đúng quy định yêu cầu. Xây dựng và tập huấn cho đội ngũ vận hành về các tình huống dừng vận hành thông thường, dừng vận hành khẩn cấp và biện pháp ứng phó kịp thời, an toàn.

- Công ty bố trí máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện, đảm bảo hệ thống được hoạt động thông suốt, hiệu quả.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Bố trí khu vực lưu trữ hóa chất phải đảm bảo an toàn, có biển báo, bảng thông tin dữ liệu an toàn về hóa chất.

- Thiết lập nội quy ra vào kho hóa chất bao gồm việc quy định nghiêm cấm các trường hợp mang vào hoặc sử dụng các chất dễ cháy trong kho.

- Thiết lập các biển báo cho kho hóa chất và niêm yết bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS) cho từng loại hóa chất.

- Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại nhà máy: Trần đổ hóa chất (lớn hơn 20 lít) → Sử dụng vật liệu ngăn chảy tràn và hấp phụ hóa chất, sử dụng bảo hộ lao động khi tiếp xúc → Thu dọn hóa chất tràn đổ vào thiết bị lưu chứa phù hợp → Xác định nguyên nhân và biện pháp khắc phục → Báo cáo cơ quan chức năng kịp thời.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị an toàn và tập huấn, đào tạo cho công nhân sử dụng hóa chất.

- Tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/7/2017 của Chính phủ.

d) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ:

- Ban hành và giám sát thực hiện các nội quy làm việc tại Dự án (Gồm có: nội quy ra, vào Dự án; nội quy về an toàn lao động và sử dụng thiết bị; nội quy về an toàn điện, phòng chống cháy nổ).

- Thiết kế đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí của dự án.

- Đảm bảo hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống máy bơm chữa cháy được lắp đặt, vận hành đúng theo thiết kế kỹ thuật; trang bị đầy đủ các dụng cụ

PCCC như bình chữa cháy, cát, thang chữa cháy,... để chủ động ứng phó kịp thời khi có sự cố cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét cho các nhà xưởng sản xuất, văn phòng theo tiêu chuẩn về chống sét cho các công trình xây dựng.

- Các trang thiết bị có sử dụng điện được kiểm tra, bảo trì theo quy định; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn điện, không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

- Để đảm bảo sản xuất an toàn và có hiệu quả, căn cứ vào các điều kiện cụ thể, Chủ dự án phải thiết kế và thi công đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn đi kèm với các hạng mục, công trình phòng cháy chữa cháy. Hệ thống phòng cháy chữa cháy được thiết kế để có thể chữa cháy hiệu quả cho từng khu vực, đảm bảo an toàn, giảm thiểu khả năng bùng phát và lây lan đám cháy.

- Chủ dự án phải tiến hành lập hồ sơ để được cơ quan có thẩm quyền cấp phép liên quan đến phòng cháy chữa cháy trước khi dự án đi vào hoạt động.

e. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động và vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo theo quy định về an toàn, vệ sinh lao động, sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại Dự án.

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí: 02 điểm, gồm 01 điểm tại vị trí thi công xây dựng (về phía cuối hướng gió, trong phạm vi dự án), 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động thi công xây dựng (về phía cuối hướng gió, bên ngoài cách ranh dự án khoảng 50m).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, Bụi PM₁₀, Bụi PM_{2,5}, SO₂, NO₂, CO, O₃, độ ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát CTR, CTNH

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: vị trí lưu chứa tạm thời CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, CTNH.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện

pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.3.1. Giám sát nước thải

Nước thải của Dự án được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú. Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tuy nhiên, khuyến khích thực hiện quan trắc để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (tại hồ chứa nước thải sau Hệ thống xử lý của Dự án, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom chung của Khu Công nghiệp).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, độ màu, BOD₅, COD, TSS, Xyanua, Clo dư, Crôm VI, tổng các chất hoạt động bề mặt, Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Coliform, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, Clorua, tổng PCB, kim loại nặng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, Cột A và QCVN 13-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, Cột A (theo đề xuất của chủ dự án).

5.3.2. Giám sát khí thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục; quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tuy nhiên, khuyến khích thực hiện quan trắc để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý khí thải của Dự án.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống thoát khí thải chung sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi và 01 điểm tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất.

- Thông số giám sát:

+ Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, Clo, amoniac và các hợp chất amoni, HCl, HF, H₂S, hơi H₂SO₄, hơi HNO₃,...theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($K_p=1,0$, $K_v=1,0$).

+ Benzen, Phenol, Styren, Toluen, Xylen, n-heptan, n-Hepxan, Vinyl Clorua, Metanol,... theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Tần suất giám sát: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Các thông số quan trắc và tần suất quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ được quy định cụ thể trong giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.3.3. Giám sát CTR, CTNH

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: vị trí lưu chứa tạm thời CTR sinh hoạt, kho lưu chứa tạm thời CTR công nghiệp thông thường, kho lưu chứa tạm thời CTNH.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.4. Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: Bùn tại bể chứa của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: pH, Asen, Bari, Cadimi, Bạc, Chì, Coban, Kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Cr^{6+} , tổng Cyanua, Tổng dầu mỡ, Phenol, Benzen, Toluen.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.3.5. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống xử lý khí thải; sự cố hóa chất; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác Phòng cháy chữa cháy, an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, khí thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, xây dựng, an ninh trật tự. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được phép triển khai dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng và các thủ tục khác liên quan theo đúng quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục trong công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Trước khi tiến hành xây dựng, đấu nối đường ống thu gom nước mưa, nước thải của dự án vào hệ thống thu gom tập trung của Khu Công nghiệp Hòa Phú, chủ dự án có thông báo và phải được sự cho phép của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú. Thực hiện đấu nối nước mưa, nước thải sau xử lý của dự án đúng vị trí, tọa độ đã được Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phú thỏa thuận, cho phép.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu chứa chất thải tại dự án, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng, vận hành dự án.

6.5. Xây dựng các công trình xử lý chất thải; mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A và QCVN 13-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm, Cột A trước khi tái sử dụng (25%) và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Hòa

Phú (75%); đảm bảo các thông số nước thải sau xử lý phù hợp với quy định tiếp nhận của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Hòa Phú và tuân thủ quy định về tái sử dụng nước thải. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

6.7. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật.

6.8. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.9. Chịu trách nhiệm về môi trường lao động, an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

6.10. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.11. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.12. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.13. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

6.14. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.